

Bản án số: 70/2025/HNGĐ – ST

Ngày 24/9/2025.

V/v: *Xin ly hôn và con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Kam Ênuôl

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Blao Bkrông

2. Ông Huỳnh Văn Bộ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXX – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lương Thị Phương P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Liên gia I, tổ dân phố A, phường T (K cũ), tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Phạm Minh T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: A liên gia B, tổ dân phố B, phường T (K cũ), tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**1. Nguyên đơn bà Lương Thị Phương P trình bày:** Tôi và ông Phạm Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường

E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/6/2014, theo giấy chứng nhận kết hôn số 99.

Quá trình chung sống, chúng tôi hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống trong nhiều vấn đề và đã sống ly thân từ hơn 2 tháng. Do mâu thuẫn kéo dài, tôi đều không còn tình cảm vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Gia B – sinh ngày 12/3/2015, Phạm Gia Bảo H – sinh ngày 03/02/2017 và Phạm Ngọc Yến N – sinh ngày 12/11/2018. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp 03 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

**2. Quá trình làm việc bị đơn ông Phạm Minh T trình bày:** Tôi và bà Lương Thị Phương P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/6/2014, theo giấy chứng nhận kết hôn số 99.

Quá trình chung sống, chúng tôi hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã do tôi thường uống rượu, đôi khi tôi nói vợ không nghe nên có đánh vợ và tôi đã bỏ về nhà nội sống từ hơn 2 tháng nay. Tuy nhiên tôi xác định hai bên chỉ có mâu thuẫn nhỏ, tôi có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái vì vậy tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Gia B – sinh ngày 12/3/2015, Phạm Gia Bảo H – sinh ngày 03/02/2017 và Phạm Ngọc Yến N – sinh ngày 12/11/2018. Trường hợp vợ tôi nhất quyết yêu cầu ly hôn tôi có đồng ý giao cả 3 con chung cho vợ tôi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và tự thỏa thuận về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**[1]. Về quan hệ pháp luật:** Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Minh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử vắng mặt ông Phạm Minh T.

**[3]. Về nội dung vụ án:** Theo đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa bà Lương Thị Phương P và Phạm Minh T có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/6/2014 trong thời gian chung sống vợ, chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, bản thân hai vợ chồng đã sống ly thân, mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T, đối với ông T mặc dù xác định giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đây chỉ là mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, mong muốn hai vợ chồng được đoàn tụ với nhau để cùng nhau chăm sóc con cái. Về con chung: Có 03 con chung là cháu là Phạm Gia B – sinh ngày 12/3/2015, cháu Phạm Gia Bảo H – sinh ngày 03/02/2017 và cháu Phạm Ngọc Yến N – sinh ngày 12/11/2018; Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3.1. Hội đồng xét xử xét thấy:** Mâu thuẫn giữa bà Lương Thị Phương P và ông Phạm Minh T có xảy ra trên thực tế và đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T, bản thân ông T cũng xác định trong thời gian chung sống là có phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều xác định không còn chung sống với nhau và đã ly thân mà không có biện pháp khắc phục và hàn gắn hạnh phúc gia đình, riêng ông T khai nhận hiện đang sinh sống cùng với bố mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà P đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk cho bà được ly hôn với ông Phạm Minh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**3.2. Về con chung:** Trong quá trình chung sống với nhau giữa bà Lương Thị Phương P và ông Phạm Minh T có 03 con chung là cháu Phạm Gia B – sinh ngày 12/3/2015, cháu Phạm Gia Bảo H – sinh ngày 03/02/2017 và cháu Phạm Ngọc Yến N – Sinh ngày 12/11/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án bà P và

ông T đều thống nhất nếu ly hôn đồng ý giao cả 03 cháu Phạm Gia B, cháu Phạm Gia B H và cháu Phạm Ngọc Yến N cho bà P được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án cả 03 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý của các bên cần giao cả 03 cháu cho bà Lương Thị Phương P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Phạm Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

*3.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*3.4. Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Lương Thị Phương P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lương Thị Phương P.

*1.1. Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Lương Thị Phương P được ly hôn với ông Phạm Minh T.

*1.2. Về con chung:* Giao cháu Phạm Gia B – sinh ngày 12/3/2015, cháu Phạm Gia Bảo H – sinh ngày 03/02/2017 và cháu Phạm Ngọc Yến N – Sinh ngày 12/11/2018 cho bà Lương Thị Phương P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Phạm Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Bà Lương Thị Phương P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Lương Thị Phương P đã nộp theo biên lai số AA/2023/0011233 ngày 25/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1).

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**\* Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- .....;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Y Kam Ênuôl**